

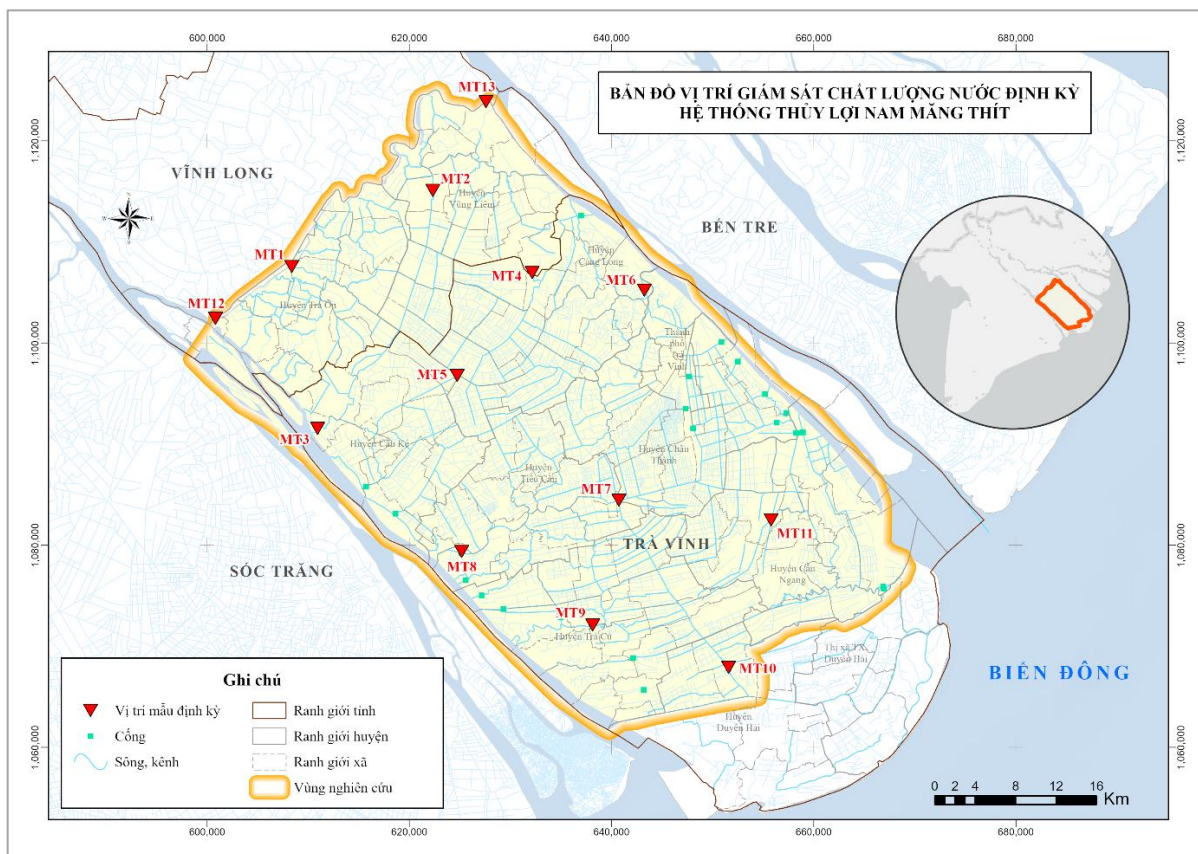
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2025

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Nam Măng Thít, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2025

BẢN TIN TUẦN 22
Dự báo từ 11/7 đến 17/7/2025

I. Vị trí dự báo

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được đặt ở những điểm các kênh trực quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Vị trí quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

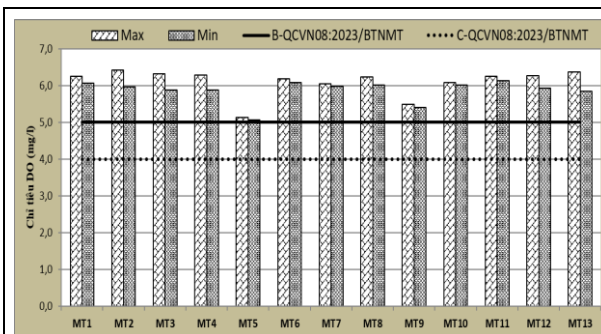
Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc		Xã/ Phường	Tỉnh/ Thành phố
			X	Y		
1	MT1	Đầu sông Trà Ngoa	607.966	1.107.801	Trà Côn	Vĩnh Long
2	MT2	Kênh Bung Trường, Cống Bàu Xếp	621.886	1.117.202	Hiếu Phụng	Vĩnh Long
3	MT3	Đầu kênh Bông Bót	611.764	1.091.528	An Phú Tân	Vĩnh Long
4	MT4	Kênh Mây Tức – Ngã Hậu	633.059	1.106.117	Trung Ngãi	Vĩnh Long
5	MT5	Kênh Trà Ngoa	625.008	1.096.756	Tam Ngãi	Vĩnh Long
6	MT6	Cống Láng Thê	643.446	1.104.839	Nhị Long	Vĩnh Long
7	MT7	Rạch Cần Chông	640.652	1.084.401	Hùng Hòa	Vĩnh Long
8	MT8	Cống Cần Chông	625.998	1.079.177	Tân Hòa	Vĩnh Long
9	MT9	Cống Trà Cú	638.320	1.072.074	Trà Cú	Vĩnh Long
10	MT10	Cống La Bang	651.316	1.068.315	Đôn Châu	Vĩnh Long
11	MT11	Kênh Ba So	655.796	1.082.521	Nhị Trường	Vĩnh Long
12	MT12	Sông Măng Thít	600.450	1.101.604	Trà Ôn	Vĩnh Long
13	MT13	Sông Măng Thít	627.688	1.123.852	Quới An	Vĩnh Long

II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 11-17/7/2025

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 11-17/7/2025 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

1. Chỉ tiêu DO



Hình 2. Giá trị DO dự báo

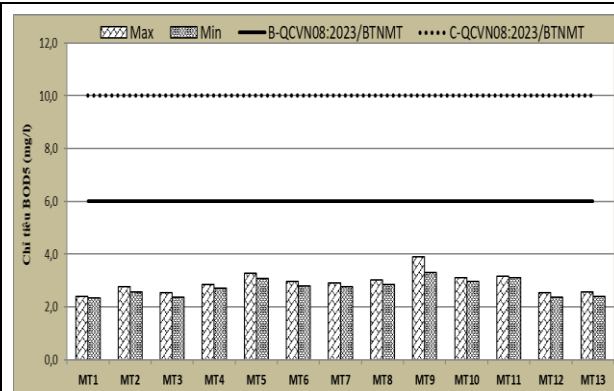
- Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị DO nhỏ nhất biến đổi từ 5,07 mg/l đến 6,41 mg/l. Các trạm đều có giá trị DO nằm trên mức B – Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT. Các trạm phía trong nội đồng và cuối nguồn như MT5, MT9 có giá trị DO thấp hơn các trạm còn lại.
- Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước DO cơ bản đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 2. Kết quả dự báo thông số DO các trạm từ ngày 11-17/7/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	11/7	12/7	13/7	14/7	15/7	16/7	17/7
1	MT1	6,15	6,18	6,18	6,22	6,25	6,19	6,06
2	MT2	5,95	5,98	6,02	6,08	6,26	6,41	6,40
3	MT3	6,16	6,18	6,20	6,21	5,88	6,15	6,32
4	MT4	5,88	5,95	6,06	6,11	6,13	6,22	6,28
5	MT5	5,09	5,07	5,07	5,08	5,10	5,10	5,12
6	MT6	6,17	6,18	6,17	6,08	6,14	6,16	6,19
7	MT7	6,04	6,01	6,00	6,01	5,98	6,03	6,05
8	MT8	6,13	6,18	6,17	6,01	6,14	6,16	6,23
9	MT9	5,43	5,40	5,43	5,49	5,47	5,46	5,41
10	MT10	6,00	6,02	6,04	6,06	6,06	6,08	6,09
11	MT11	6,25	6,25	6,23	6,21	6,17	6,15	6,12
12	MT12	5,92	5,98	6,08	6,13	6,07	6,24	6,27
13	MT13	6,18	6,22	6,15	5,85	5,96	6,15	6,37

2. Chỉ tiêu BOD₅

Hình 3. Giá trị BOD₅ dự báo

- Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị BOD₅ lớn nhất biến đổi từ 2,34 mg/l đến 3,89 mg/l. Các trạm đều có giá trị BOD₅ ở mức thấp hơn khá nhiều so với mức B – Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT.
- Các trạm phía cuối nguồn, bên trong các cống và các trạm nằm bên trong nội đồng như trạm MT5, MT9, MT10 và MT11 có giá trị BOD₅ cao hơn so với các trạm đầu nguồn ven sông chính như trạm MT1, MT2, MT3, MT12 và MT13.
- Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước BOD₅ đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

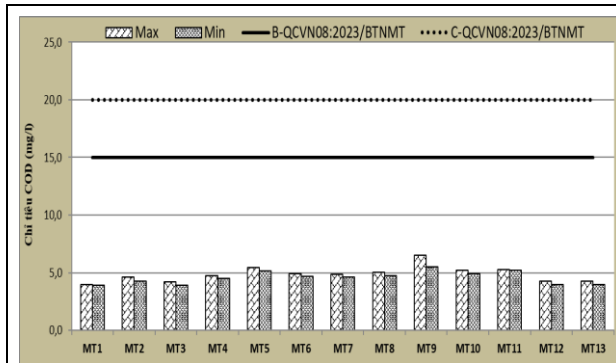
Bảng 3. Kết quả dự báo thông số BOD₅ các trạm từ ngày 11-17/7/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	11/7	12/7	13/7	14/7	15/7	16/7	17/7
1	MT1	2,39	2,39	2,38	2,37	2,36	2,35	2,34
2	MT2	2,56	2,57	2,59	2,62	2,71	2,72	2,75
3	MT3	2,42	2,40	2,36	2,46	2,50	2,39	2,53

TT	Trạm	11/7	12/7	13/7	14/7	15/7	16/7	17/7
4	MT4	2,70	2,74	2,77	2,79	2,80	2,83	2,84
5	MT5	3,09	3,09	3,10	3,25	3,28	3,22	3,17
6	MT6	2,79	2,81	2,85	2,89	2,90	2,93	2,95
7	MT7	2,78	2,80	2,83	2,87	2,90	2,88	2,91
8	MT8	2,92	2,84	2,88	2,94	2,97	3,01	3,00
9	MT9	3,32	3,38	3,42	3,50	3,69	3,89	3,40
10	MT10	2,97	3,00	3,03	3,06	3,09	3,10	3,11
11	MT11	3,15	3,15	3,14	3,12	3,14	3,16	3,17
12	MT12	2,42	2,37	2,49	2,40	2,45	2,45	2,55
13	MT13	2,39	2,45	2,50	2,55	2,55	2,54	2,56

3. Chỉ tiêu COD



Hình 4. Giá trị COD dự báo

- Tương đồng với xu thế BOD₅, dự báo trong 7 ngày tới, giá trị COD lớn nhất biến đổi từ 3,91 mg/l đến 6,48 mg/l. Các trạm đều có giá trị COD ở mức thấp hơn khá nhiều so với mức B – Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT.

- Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước COD trong tuần tới đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

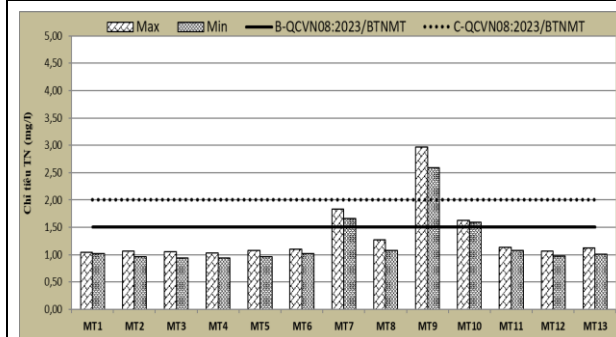
Bảng 4. Kết quả dự báo thông số COD các trạm từ ngày 11-17/7/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	11/7	12/7	13/7	14/7	15/7	16/7	17/7
1	MT1	3,99	3,98	3,97	3,94	3,93	3,91	3,91
2	MT2	4,27	4,28	4,32	4,36	4,52	4,53	4,59
3	MT3	4,03	4,00	3,93	4,10	4,17	3,98	4,22
4	MT4	4,50	4,56	4,61	4,65	4,66	4,72	4,74
5	MT5	5,16	5,14	5,17	5,41	5,47	5,37	5,29
6	MT6	4,65	4,68	4,75	4,81	4,83	4,88	4,92
7	MT7	4,63	4,67	4,72	4,79	4,83	4,80	4,85
8	MT8	4,86	4,74	4,81	4,91	4,95	5,01	5,00
9	MT9	5,53	5,64	5,70	5,83	6,15	6,48	5,67
10	MT10	4,94	4,99	5,05	5,11	5,14	5,17	5,19
11	MT11	5,25	5,24	5,23	5,19	5,24	5,27	5,29

TT	Trạm	11/7	12/7	13/7	14/7	15/7	16/7	17/7
12	MT12	4,04	3,96	4,14	4,00	4,08	4,09	4,25
13	MT13	3,99	4,09	4,17	4,25	4,24	4,23	4,26

4. Chỉ tiêu tổng Nito - TN



Hình 5. Giá trị TN dự báo

- Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị TN lớn nhất biến đổi từ 0,93 mg/l đến 2,97 mg/l. Trong đó, trạm MT9 giá trị TN vượt mức C – Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT (chất lượng nước xấu, chỉ có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi có biện pháp xử lý phù hợp), trạm MT7 và MT10 giá trị TN vượt mức B – Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT.

- Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước TN hầu hết đều tốt, đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, chỉ riêng khu vực trạm MT7, MT10, và đặc biệt MT9 cần lưu ý khi lấy nước phục vụ tưới cho cây trồng vì hàm lượng TN ở mức cao.

Bảng 5. Kết quả dự báo thông số TN các trạm từ ngày 11-17/7/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	11/7	12/7	13/7	14/7	15/7	16/7	17/7
1	MT1	1,02	1,04	1,04	1,03	1,03	1,02	1,02
2	MT2	0,96	0,98	1,00	1,01	1,05	1,05	1,07
3	MT3	1,05	0,97	0,96	0,95	0,96	0,93	0,98
4	MT4	0,93	0,98	0,99	1,00	1,00	1,01	1,02
5	MT5	1,07	1,04	1,06	1,06	1,02	1,00	0,97
6	MT6	1,01	1,05	1,06	1,08	1,09	1,10	1,10
7	MT7	1,69	1,72	1,78	1,83	1,80	1,73	1,66
8	MT8	1,08	1,11	1,17	1,21	1,27	1,26	1,21
9	MT9	2,65	2,70	2,81	2,83	2,97	2,77	2,59
10	MT10	1,63	1,61	1,61	1,61	1,60	1,60	1,60
11	MT11	1,07	1,11	1,12	1,11	1,11	1,12	1,14
12	MT12	0,97	1,00	1,04	1,04	1,03	1,03	1,07
13	MT13	1,01	1,07	1,08	1,10	1,09	1,11	1,12

III. Kết luận, kiến nghị

So sánh kết quả dự báo các chỉ số DO, BOD₅, COD, TN tại 13 vị trí trong hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít từ ngày 11-17/7/2025 với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT cho thấy nguồn nước cơ bản đảm bảo để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoại trừ khu vực các trạm MT7, MT10, và đặc biệt MT9 cần lưu ý khi lấy nước phục vụ tưới cho cây trồng vì hàm lượng TN dự báo ở mức cao vượt mức C và mức B – Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT.

Từ đầu mùa mưa đến nay, vùng Biển Đông đã xuất hiện 2 cơn bão (số 1 và số 2) gây mưa lớn trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công và vùng ĐBSCL, góp phần làm cải thiện nền nước toàn vùng ĐBSCL, đặc biệt trong tháng 6, tạo điều kiện cho việc lấy nước ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp trong nội vùng. Vụ lúa Hè Thu trên vùng Nam Măng Thít đã xuống giống dứt điểm vào giữa tháng 6 năm 2025, do đó nhu cầu nước ngọt là không lớn. Tuy nhiên, nguy cơ xảy ra ngập úng và ô nhiễm nguồn nước do chất thải từ trên mặt đất chảy tràn xuống sông, kênh, rạch khi có mưa lớn là rất cao. Kiến nghị các địa phương cần có kế hoạch chủ động vận hành tiêu thoát nước để chống ngập úng khi xảy ra hoặc dự báo mưa cường độ lớn nhiều ngày, đặc biệt tại các khu vực xuống giống vụ Hè Thu muộn; ngoài ra, vận hành xả ô nhiễm luân phiên các cống hạ nguồn hệ thống để giảm thiểu chất thải tồn đọng trong nội đồng, tăng lưu thông dòng chảy trên sông kênh. Các địa phương cần thường xuyên theo dõi các thông tin dự báo về nguồn nước, xâm nhập mặn, chất lượng nước liên quan đến HTTL Nam Măng Thít để có các biện pháp ứng phó kịp thời.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã/phường thuộc tỉnh Vĩnh Long;
- Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh; Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Lưu: P.KHCN&HTQT.

VIỆN TRƯỞNG 



Đỗ Đức Dũng